



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

- NĂM BÁO CÁO: 2023 -

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

Tên thành lập : **CÔNG TY CỔ PHẦN PETEC BÌNH ĐỊNH**

Tên giao dịch : Petec Binh Dinh Joint Stock Company

Mã cổ phiếu : GCB

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3503000014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp lần đầu ngày 15 tháng 05 năm 2001 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ mười sáu vào ngày 28 tháng 8 năm 2023 với mã số doanh nghiệp là **4100406219**.

Vốn điều lệ : 40.391.470.000 VNĐ

Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 40.391.470.000 VNĐ

Địa chỉ trụ sở chính : 389 Trần Hưng Đạo- Thành phố Quy Nhơn- Bình Định

Điện thoại : 0256.3 822233 - Fax : 0256.3 823863.

Website : www.petecbidico.com.vn

Email : info@petecbidico.com.vn



MỤC LỤC

Trang

I.	Thông tin chung:	3
1.	<i>Quá trình hình thành và phát triển:</i>	3
2.	<i>Ngành nghề và địa bàn kinh doanh</i>	3
3.	<i>Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:</i>	5
4.	<i>Định hướng phát triển</i>	6
5.	<i>Các rủi ro: (các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty)</i>	7
II.	Tình hình hoạt động trong năm:	7
III.	Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:	13
1.	<i>Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:</i>	13
2.	<i>Tình hình tài chính:</i>	15
3.	<i>Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:</i>	15
4.	<i>Kế hoạch phát triển trong năm 2024:</i>	16
IV.	Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:	17
1.	<i>Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:</i>	17
2.	<i>Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc Công ty</i>	18
3.	<i>Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị</i>	18
V.	Quản trị công ty	20
1.	<i>Hội đồng quản trị: Quản trị công ty</i>	20
2.	<i>Ban Kiểm soát</i>	26
3.	<i>Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát</i>	27
VI.	Báo cáo tài chính	28
1.	<i>Báo cáo của cơ quan kiểm toán</i>	28
2.	<i>Báo cáo tài chính được kiểm toán</i>	28



I. Thông tin chung:

1. Quá trình hình thành và phát triển:

Công ty được thành lập vào ngày 14/5/2001 theo quyết định số 35/2001/QĐ-UB của UBND Tỉnh Bình Định về việc chuyển Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định thành Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định, với vốn điều lệ là: 7.319.400.000 đồng. Tiền thân của Công ty Cổ phần Petec Bình Định là công ty Thương Nghiệp Tổng Hợp Bình Định. Thực hiện theo Nghị định số 338/CP của Chính Phủ về việc sắp xếp lại các doanh nghiệp Nhà nước, được sự đồng ý của Bộ Thương Mại: Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Bình Định được thành lập ngày 21/03/1991 theo Quyết định số 290/QĐ-UB của Ủy Ban Nhân Dân (UBND) Tỉnh Bình Định trên cơ sở hợp nhất giữa hai đơn vị là: Công ty Công nghệ phẩm Bình Định và Công ty Vật liệu xây dựng Chất đốt Bình Định dưới sự chỉ đạo và quản lý trực tiếp của Sở Thương Mại và Du Lịch Bình Định.

Ngày 08/9/2006, Đại hội đồng cổ đông bất thường đã nhất trí thống nhất phương án tăng vốn điều lệ, theo đó vốn điều lệ của Công ty tăng từ 7.319.400.000 đồng lên thành 15.000.000.000 đồng (tức tăng 104,93%), tương đương 1.500.000 cổ phần.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2007 (ngày 14/4/2007), đã thông qua và thống nhất đổi tên từ Công ty Cổ phần Thương mại Bình Định (viết tắt là BITRACO) thành Công ty Cổ phần Petec Bình Định (tên viết tắt là PETEC BIDICO), đồng thời, tăng vốn điều lệ từ 15.000.000.000 đồng lên thành 30.600.000.000 đồng (tức tăng 104%), tương đương 3.060.000 cổ phần.

Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 (ngày 18/5/2016), đã thông qua phương án tăng vốn điều lệ từ nguồn vốn chủ sở hữu từ 30.600.000.000 đồng lên thành 40.391.470.000 đồng (tức tăng 32%), tương đương 4.039.147 cổ phần.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

a. Ngành nghề hoạt động chính yếu:

- Kinh doanh xăng dầu, mỡ phụ, hoá chất, khí đốt, các chế phẩm từ dầu mỏ;
- Kinh doanh xi-măng, vật liệu xây dựng - trang trí nội thất, phân phối hàng tiêu dùng, vật tư nông nghiệp, v.v...
- Dịch vụ cho thuê cửa hàng, hợp tác kinh doanh các mặt hàng tiêu dùng các loại.

b. Các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính trong 02 năm gần nhất:

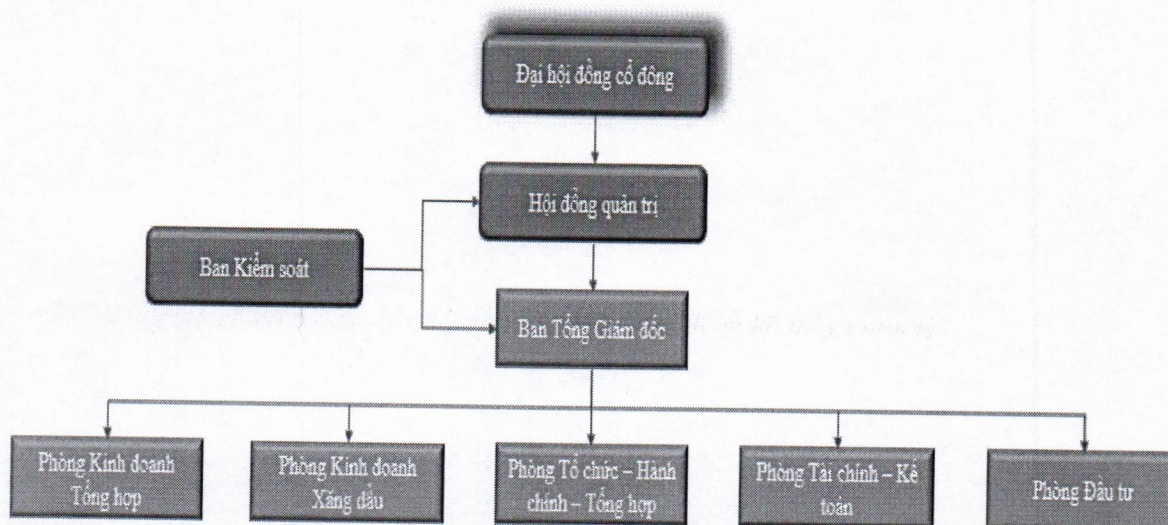
	<u>Năm 2023</u>	<u>Tỷ lệ chiếm</u>	<u>Năm 2022</u>	<u>Tỷ lệ chiếm</u>
Tổng doanh thu (triệu đồng)	1.626.788	100%	1.013.850	100%
<i>Trong đó:</i>				
- Kinh doanh xi-măng	101.801	6,26%	135.298	13,34%
- Kinh doanh xăng dầu	267.238	16,43%	284.140	28,03%
- Thép, Thực phẩm	1.252.545	16,43%	589.327	58,13%
- Hợp tác kinh doanh khai thác tài sản, Dịch vụ khác	5.205	0,32%	4.576	0,5%

c. Địa bàn kinh doanh: Thị trường hoạt động: Bình Định, Phú Yên và các tỉnh Tây Nguyên.

32
TY
AN
C
INH
T.B

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

– Mô hình quản trị:



– Cơ cấu tổ chức:

Hội đồng Quản trị Công ty:

Được đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) bầu ra từ 03 (ba) đến 05 (năm) thành viên với nhiệm kỳ là 05 (năm) năm. Các thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông Công ty. Hội đồng quản trị bầu ra 01 (một) Chủ tịch. Hội đồng quản trị quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh mang tính chiến lược tổng quát và đảm bảo các kế hoạch được thực hiện thông qua Ban Tổng Giám đốc.

Ban Kiểm soát:

Được Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 03 (ba) thành viên. Ban Kiểm soát là một cơ quan quản trị với nhiệm vụ thay mặt Đại hội đồng cổ đông kiểm tra, giám sát, theo dõi mọi hoạt động của HĐQT và Ban Điều hành cũng như báo cáo và chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ và pháp luật.

Ban Tổng Giám đốc:

Ban Tổng Giám đốc gồm 03 thành viên, 01 Tổng Giám đốc, 02 Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm là cơ quan tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo mục tiêu định hướng, kế hoạch mà HĐQT, ĐHĐCĐ đã thông qua. Chủ tịch HĐQT Công ty và Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật, quyền hạn và nghĩa vụ của những người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 27 và Điều 35 của Điều lệ Công ty. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám

đốc. Tổng Giám đốc Công ty sẽ căn cứ vào khả năng và nhu cầu quản lý để thực hiện việc ủy quyền một số quyền hạn nhất định vào thời gian nhất định cho các thành viên trong Ban Tổng Giám đốc về những công việc điều hành chuyên môn.

Dựa trên quy mô, ngành nghề và thị trường, cơ cấu tổ chức của Công ty hiện nay được phân chia theo chức năng, bao gồm:

- Hội đồng quản trị;
- Ban Tổng Giám đốc Công ty;
- Phòng Tài chính - Kế toán;
- Phòng Tổ chức - Hành chính - Tổng hợp
- Phòng Đầu tư;
- Phòng Kinh doanh Tổng hợp;
- Phòng Kinh doanh Xăng dầu.

Đứng đầu các bộ phận này là các Trưởng phòng, chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Tổng Giám đốc. Ngoài ra, trong Công ty còn có các tổ chức đoàn thể chính trị Chi bộ, Công đoàn và Đoàn Thanh niên hoạt động trên cơ sở luật pháp của Nhà Nước và Điều lệ của các tổ chức này.

Các công ty con, công ty liên kết được hợp nhất: Chưa thành lập.

4. Định hướng phát triển

Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:

- Phát triển ổn định và phát triển thị trường kinh doanh thông qua chất lượng dịch vụ, tính ổn định trong cung ứng hàng hóa, uy tín chất lượng hàng hóa trong phân phối đến hệ thống khách hàng.
- Nghiên cứu mở rộng thêm các ngành nghề kinh doanh thương mại khác, định hướng khai thác tiềm năng của khu vực miền Trung - Tây Nguyên như: cảng nước sâu, vùng nguyên liệu sẵn có...
- Quản lý chặt chẽ giảm thiểu rủi ro công nợ phải thu. Mở rộng quan hệ tín dụng với các ngân hàng trên địa bàn để khai thác tối đa nguồn lực huy động.

Chiến lược phát triển trung và dài hạn:

- Tăng vốn điều lệ, qua đó tăng năng lực kinh doanh, phạm vi hoạt động.
- Đầu tư, phát triển quỹ đất làm kho chứa xăng dầu không chỉ tại địa phương mà còn tại các tỉnh thành khác trên khắp cả nước.
- Cung cấp sản phẩm và dịch vụ chất lượng cao, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng, xây dựng và nâng cao giá trị thương hiệu "Petec Bidico", trong đó chú trọng:



- Thương hiệu mạnh toàn quốc về Thương nhân phân phối trong lĩnh vực kinh doanh xăng dầu;
 - Thương hiệu mạnh Nhà phân phối xi măng tại khu vực miền Trung và Tây Nguyên; Phát triển các mặt hàng VLXD khác hướng tới cung cấp giải pháp toàn diện cho nhu cầu xây dựng dân dụng;
5. **Các rủi ro:** (các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty)
- Đối với các doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu Việt Nam, rủi ro địa chính trị trong năm 2024 sẽ khiến giá dầu thế giới biến động khó đoán và xăng dầu trong nước cũng vậy. Từ đầu thập kỷ đến nay, đã có ba lần chỉ số GPR Index đo lường rủi ro địa chính trị lên cao nhất kể từ năm 2005 và thường thì giá xăng dầu sẽ rất nhạy cảm với yếu tố này. Nhìn chung dự báo xu hướng thị trường dầu thô xăng dầu trong năm 2024 sẽ có khá nhiều biến động xuất phát từ những rủi ro tiềm ẩn như căng thẳng chính trị giữa Nga – Ukraine vẫn tiếp diễn, xung đột tại dải Gaza có thể tạo nguồn cơn cho các cuộc chiến khác tại khu vực Trung Đông, nơi mà bất cứ cuộc xung đột nào cũng có thể tạo ra các cú sốc về giá trên thị trường dầu thô, xăng dầu; Căng thẳng tại Biển Đỏ, tác động lớn đến giá dầu và rủi ro chuỗi cung ứng
 - Năm 2024 mảng kinh doanh vật liệu xây dựng nói chung sẽ tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Tình hình tiêu thụ xi măng sẽ chưa được hồi phục như kỳ vọng, tổng công suất khoảng 117 triệu tấn xi măng/năm, nhưng tiêu thụ xi măng năm 2023 chỉ đạt khoảng 87,8 triệu tấn, trong đó tiêu thụ xi măng nội địa đạt 56,6 triệu tấn, xuất khẩu 31,2 triệu tấn. Lượng xi măng tiêu thụ nội địa năm 2023 chỉ bằng 84% năm 2022, lượng xuất khẩu xi măng năm 2023 bằng 99% năm 2022. Nhu cầu xi măng năm 2024 sẽ tiếp tục thấp vì các dự án đầu tư công triển khai còn chậm, các dự án xây dựng đường giao thông, trong đó có đường cao tốc vẫn sử dụng công nghệ truyền thống, chủ yếu là nền đường đắp và mặt đường bê tông asphalt, giải pháp xây dựng đường dạng cầu cạn bằng bê tông cốt thép rất hạn chế. Cùng với đó, thị trường bất động sản vẫn trầm lắng. Ngoài ra, giá đầu vào sản xuất, trong đó giá nhiên liệu, năng lượng, đặc biệt là giá than tăng cao đã đẩy giá thành sản phẩm tăng.

II. Tình hình hoạt động trong năm:

a. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm:

Các chỉ tiêu chủ yếu đạt được trong năm 2023:

CHỈ TIÊU	Đvt	Thực hiện năm 2023		
		Thực hiện	So với kế hoạch	So với thực hiện 2022
DOANH SỐ SẢN XUẤT / MUA VÀO	Tr.đồng	1.577.141	111,78%	161,22%
DOANH THU	Tr.đồng	1.626.788	108,45%	160,46%
DOANH THU TIÊU THỤ HÀNG HÓA	Tr.đồng	1.621.584	108,47%	160,75%
Xi-măng	Tr.đồng	101.801	40,55%	16,78%
+ Sản lượng bán ra	tấn	65.009	41,41%	72,65%
Xăng dầu	Tr.đồng	267.238	29,05%	94,05%
- Xăng dầu bán buôn	Tr.đồng	100.161	14,52%	99,25%
+ Lượng bán ra	1000 lít	5.207	18,69%	111,94%
- Xăng dầu bán lẻ	Tr.đồng	167.077	72,64%	91,19%
+ Lượng bán ra	1000 lít	8.273	81,11%	104,76%
Thực phẩm / Nông sản	Tr.đồng	1.252.545	386,77%	15843,71%
D.THU D.VỤ, KHAI THÁC MẶT BẰNG	Tr.đồng	5.205	102,42%	102,36%
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH				
Tổng doanh thu thuần	Tr.đồng	1.626.788	108,45%	160,46%
Giá vốn hàng bán	-	1.577.141	79,74%	161,22%
Chiết khấu hàng mua	-	-	-	-
Lợi nhuận gộp	-	49.648	95,26%	139,44%
Doanh thu hoạt động tài chính	-	13.590		188,77%
Chi phí tài chính	-	20.390	92,87%	309,65%
Chi phí bán hàng	-	19.848	354,36%	102,28%
Trích lập dự phòng	-	-	-	-
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	12.021	296,08%	158,71%
Thu nhập khác		37		7,04%
Lợi nhuận trước thuế	-	11.016	55,08%	113,09%
Thuế phải nộp	-	4.217	105,44%	189,97%
Lợi nhuận sau thuế	-	6.798	42,49%	90,39%
Tỷ lợi tức cổ phần	%	-	-	-

Trong đó, các mảng kinh doanh đóng góp cụ thể như sau:

- Xăng dầu: Kế hoạch đặt ra trong năm 2023, hoạt động kinh doanh xăng dầu đạt doanh thu 920 tỷ, tuy nhiên tình hình thực hiện mới chỉ đạt thu 267 tỷ (doanh thu

chủ yếu của Hoạt động kinh doanh xăng dầu đến từ nguồn cửa hàng trực thuộc, đại lý và hộ công nghiệp (trong năm 2023 không có hoạt động mua bán lô), sản lượng tiêu thụ đạt 13,5 triệu lít xăng dầu các loại. So sánh với năm 2022, sản lượng tiêu thụ đã có tăng trưởng đáng kể, từ 650m³/tháng lên trên 1.200m³/tháng.

- Mảng kinh doanh Xi-măng, tổng doanh số bán ra đạt 101,8 tỷ đồng. Đây là mảng kinh doanh truyền thống của Công ty, tuy nhiên sản lượng bán ra năm 2023 thấp - chỉ đạt 75,2% so với năm 2022, hoàn thành 40,6% kế hoạch sản lượng đề ra.
- Hoạt động khai thác mặt bằng: Trong năm 2023, hoạt động khai thác mặt bằng đạt mức doanh thu là 5,2 tỷ hoàn thành so với kế hoạch, và so với cùng kỳ năm 2022.
- Hoạt động kinh doanh khác gồm: thực phẩm / sắt thép và dây đồng: Đạt 1.252,5 tỷ đồng, trong đó chiếm trên 97% là thép và dây đồng. Công ty chủ động thực hiện mở mới thị trường, kinh doanh lô lớn vì vậy sản lượng, doanh số cũng như lợi nhuận đạt tốt so với yêu cầu đề ra.

b. Tổ chức và nhân sự

Tại ngày 08/4/2023 Đại hội đồng Cổ đông thường niên 2023 đã bầu tiến hành bầu bổ sung Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ 2020-2025, HĐQT hiện gồm có các thành viên:

- | | |
|--|----------------------------|
| - Ông Trần Trọng Bình tái bổ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT ngày 17/4/2023; | |
| - Ông Trần Quý Thăng | - Thành viên HĐQT; |
| - Ông Nguyễn Thời Đại | - Thành viên HĐQT; |
| - Ông Phạm Sơn Tùng | - Thành viên HĐQT; |
| - Bà Nhữ Thị Việt Dung | - Thành viên HĐQT độc lập. |

Ngày 10/8/2023, ông Phạm Sơn Tùng có Đơn từ nhiệm, lý do: vì lý do cá nhân, không thể tiếp tục tham gia hoạt động quản lý, điều hành Công ty.

Hội đồng quản trị

Thông tin HĐQT Nhiệm kỳ V (2020-2025)

127
TY
AN
C
NH
..BIN

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập	
			Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Trần Trọng Bình	Chủ tịch HĐQT	28/06/2022	
2	Ông Nguyễn Thời Đại	Thành viên HĐQT	08/4/2023	
3	Ông Trần Quý Thăng	Thành viên HĐQT	08/4/2023	
4	Ông Phạm Sơn Tùng	Thành viên HĐQT	08/4/2023	
5	Ông Ngô Minh Hải	Thành viên HĐQT	04/11/2021	08/4/2023
6	Ông Tăng Vũ Giang	Thành viên HĐQT	28/6/2022	08/4/2023
7	Ông Nguyễn Thanh Hải	Thành viên HĐQT	28/6/2022	08/4/2023
8	Bà Nhữ Thị Việt Dung	Thành viên HĐQT độc lập	28/06/2022	

Ngày 10/8/2023, ông Phạm Sơn Tùng có Đơn từ nhiệm, lý do: vì lý do cá nhân, không thể tiếp tục tham gia hoạt động quản lý, điều hành Công ty.

Ban Kiểm soát

- Bà Lê Thị Ngọc Trưởng ban Bổ nhiệm ngày 28/6/2022
Từ nhiệm ngày 08/4/2023
- Ông Hoàng Anh Tuấn Thành viên Bổ nhiệm ngày 04/11/2021
Từ nhiệm ngày 08/4/2023
- Ông Nguyễn Văn Ánh Thành viên Bổ nhiệm ngày 04/11/2021
Từ nhiệm ngày 08/4/2023
- Bà Nguyễn Thị Thắm Trưởng ban Bổ nhiệm ngày 08/4/2023
- Ông: Lê Thanh Phong Thành viên Bổ nhiệm ngày 08/4/2023
- Bà Nguyễn Thị Du Thành viên Bổ nhiệm ngày 08/4/2023

Ngày 30/12/2022, ông Hoàng Anh Tuấn có Đơn từ nhiệm, lý do: Không còn là người



được Tổng Công Ty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư - CTCP cử tham gia công tác giám sát tại Công ty Cổ phần Petec Bình Định do Tổng Công Ty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư - CTCP đã thoái vốn khỏi Công ty Cổ phần Petec Bình Định.

Ngày 07/4/2023, bà Lê Thị Ngọc và ông Nguyễn Văn Ánh có Đơn từ nhiệm, lý do: Vì một số lý do cá nhân không thể tiếp tục đảm nhiệm và hoàn thành nhiệm vụ thành viên Ban Kiểm soát Công ty.

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

- Danh sách Ban Điều hành.

Ông Nguyễn Thời Đại	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/9/2023
Ông Nguyễn Trường Quang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/3/2022
		Miễn nhiệm ngày 01/3/2023
Ông Lương Minh Tuấn	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01/7/2022
		Miễn nhiệm ngày 16/02/2023
Bà Nguyễn Thị Bích Trâm	Phó Tổng Giám đốc phụ trách Tài chính, Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 01/9/2023

- **Những thay đổi trong Ban Điều hành trong năm:**

Miễn nhiệm 02 (hai) thành viên Ban Tổng Giám đốc theo Đơn từ nhiệm và bổ nhiệm lại 01 (một) thành viên mới thay thế. Thời gian bổ nhiệm: 2020 - 2025.

- **Số lượng cán bộ, nhân viên:** Tổng số nhân sự toàn Công ty có đến cuối năm tài chính là 80 người. Trong đó cán bộ quản lý 18 người.

- c. **Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:**

Chưa thực hiện.

- d. **Tình hình tài chính:**

a) Tình hình tài chính:

(Đvt: Triệu đồng)

Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022	% tăng giảm
Tổng giá trị tài sản	427.704	429.083	-0,32%
Doanh thu thuần	1.626.788	1.013.850	60,46%
Lợi nhuận từ h.động kinh doanh	10.978	9.210	19,20%
Lợi nhuận khác	37	531	-93,03%
Lợi nhuận trước thuế	11.016	9.701	13,56%
Lợi nhuận sau thuế	6.798	7.521	-9,61%
Cổ tức	0%	0%	0%

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Các chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2022
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn: (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,14	1,11
+ Hệ số thanh toán nhanh: (TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,11	1,07
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,82	0,83
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	4,49	4,97
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
+ Vòng quay hàng tồn kho Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	138,69	92,36
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	3,80	2,36
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,004	0,007
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	0,09	0,1
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	0,02	0,02

e. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần:

Tổng số cổ phần: 4.039.147 cổ phần, tương đương 100% vốn điều lệ. Trong đó, cổ phiếu phổ thông chiếm 100% vốn điều lệ.

b. Cơ cấu cổ đông: (theo danh sách chốt của VSDC đến 03/4/2024)

Stt	Tên Cổ đông	Số lượng	Số cổ phần sở hữu	Vốn góp	Tỷ lệ sở hữu (%)
I	Cổ đông trong nước	219	4.039.127	40.391.270.000	99,9995%
1	Cá nhân	218	4.026.127	40.261.270.000	99,67765%
2	Tổ chức	01	13.000	130.000.000	0,32185%
II	Cổ đông ngoài nước	01	20	200.000	0,00050%
1	Cá nhân	01	20	200.000	0,00050%
2	Tổ chức	0	0	0	0
	Tổng cộng	220	4.039.147	40.391.470.000	100%

- c. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu trong năm:* Không có.
- d. *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không có.
- e. *Các chứng khoán khác:* Không có.
- f. ***Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:***
Hoạt động kinh doanh của Công ty thuần về thương mại, không phát sinh sử dụng nguyên liệu, tiêu thụ năng lượng.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:

Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty:

Năm 2023, kinh tế toàn cầu phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức. Xung đột Nga - U-crai-na tiếp diễn, trong khi xung đột mới bùng phát ở Trung Đông, Biển Đỏ trong các tháng cuối năm kéo theo nguy cơ đứt gãy chuỗi cung ứng. Thị trường hàng hóa thế giới có nhiều biến động. Lạm phát tiếp tục neo ở mức cao, tăng trưởng thương mại yếu và niềm tin người tiêu dùng chậm phục hồi. Trong bối cảnh ấy, Việt Nam cũng như nhiều quốc gia duy trì chính sách tiền tệ thắt chặt để ưu tiên kiềm chế lạm phát. Tổng cầu suy yếu, kinh tế tăng trưởng chậm, thị trường bất động sản vẫn tồn đọng, tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn.

Đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu:

- Kế hoạch đặt ra trong năm 2023, hoạt động kinh doanh xăng dầu đạt doanh thu 920 tỷ, tuy nhiên tình hình thực hiện mới chỉ đạt thu 267 tỷ, sản lượng tiêu thụ đạt 13,5 triệu lít xăng dầu các loại. So sánh với năm 2023, sản lượng tiêu thụ đã có tăng trưởng đáng kể về chất do doanh thu chủ yếu đến từ nguồn cửa hàng trực thuộc, đại lý và hộ công nghiệp (năm 2023 không có hoạt động mua bán lô), sản lượng khu vực này đã có mức tăng từ 650m³/tháng lên trên 1.200m³/tháng.
- Gắn với mục tiêu chiến lược dài hạn của Công ty trong hoạt động kinh doanh xăng dầu, Công ty đang từng bước bám sát, củng cố tăng trưởng hệ thống cửa hàng, đại lý, hộ công nghiệp lên số lượng 30 đơn vị hoặc 2 triệu lít mỗi tháng theo kế hoạch đặt ra; Trong đó vừa triển khai mua cây xăng dầu, vừa phát triển lõi kéo đại lý về hệ thống. Hiện Công ty đã có 6 cửa hàng, 13 đại lý, 14 hộ công nghiệp. Riêng mảng mua bán thương mại xăng dầu do tiềm ẩn rủi ro nên chưa thể tăng sản lượng mảng này trong năm 2023.

Đối với hoạt động kinh doanh xi măng:

Kế hoạch đặt ra trong năm 2023, hoạt động kinh doanh xi-măng đạt doanh thu 251 tỷ, tuy nhiên tình hình thực hiện mới chỉ đạt 102 tỷ đồng. Trong năm hoạt động kinh doanh xi-măng gặp rất nhiều khó khăn, cụ thể:

- Nhu cầu thị trường xây dựng giảm mạnh dẫn đến tình hình kinh doanh xi măng rất khó khăn.
- Xi măng Phúc Sơn mở thêm nhà phân phối tại Gia Lai, Quảng Ngãi nhưng nhà phân phối trên lại bán trong vùng đã giao cho Công ty độc quyền, để giá thấp, bán sai vùng gây khó khăn việc tiêu thụ tại thị trường Bình Định.
- Sự cạnh tranh mạnh vùng và giá đối với 1 số nhãn hiệu khác cùng phân khúc và phân khúc giá rẻ.
- Chi phí thuê kho, vận chuyển tàu, ô tô, dây sling cao.
- Đặc thù ngành xi măng là bán hàng phải cho nợ, nếu yêu cầu khách thanh toán ngay thì phải hạ giá sâu dẫn đến lợi nhuận thấp, nếu để nợ thì tồn đọng vốn, rủi ro thu hồi nợ.

Dịch vụ khai thác tài sản trên đất:

Nhìn chung hoạt động khai thác mặt bằng của Công ty năm 2023 ổn định. Công ty đã tìm kiếm các đối tác uy tín, hoạt động kinh doanh chuỗi để khai thác dựa trên lợi thế mặt bằng, vì vậy kết quả thu về đạt tốt. Doanh thu năm 2023 mảng này 5,2 tỷ đồng doanh thu đạt với kế hoạch đề ra.

Kinh doanh thương mại khác:

Trong năm 2023, Công ty chủ động tìm hiểu thị trường thực hiện kinh doanh nhóm hàng sắt thép, đồng nhôm và hàng nguyên liệu thức ăn chăn nuôi. Năm 2023 doanh thu hoạt động này đạt 1.221 tỷ đồng, chiếm 75% tổng doanh thu toàn Công ty, mang lại hiệu quả kinh doanh tốt.

Những kết quả công ty đã đạt được

Có thể nói trong năm qua Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh trong điều kiện nền kinh tế nhiều biến động, cực kỳ khó khăn do tác động của rất nhiều yếu tố khách quan cả Thế Giới và trong nước, thị trường kinh doanh có sự cạnh tranh quyết liệt, ... Tuy nhiên, Ban lãnh đạo Công ty vẫn cố gắng duy trì bộ máy, ổn định tổ chức, CBNV Công ty, sự đoàn kết nhất trí, vì sự tồn tại và phát triển của Công ty, đã tạo động lực để Công ty có thể duy trì ổn định hoạt động kinh doanh, kinh doanh có hiệu quả.

Trong bối cảnh tình hình kinh doanh còn nhiều khó khăn, người lao động vẫn được bảo đảm được công ăn việc làm, thu nhập ổn định. Các dịp lễ tết Công ty đều kịp thời khen thưởng động viên, tạo sự gắn bó giữa người lao động và Công ty. Trong năm 2023, người lao động trong Công ty có thu nhập bình quân đạt 8,2 triệu đồng/người/tháng.

162
TY
I
C
INH
r.BIN

2. *Tình hình tài chính:*

a) Tình hình tài sản:

Giá trị tài sản cố định đến ngày 31/12/2023 là 27.968.437.551 đồng. Các tài sản của Công ty đều được khai thác sử dụng có hiệu quả..

Đối với tình hình nợ phải thu:

Tại thời điểm 31/12/2023, tất cả các khoản nợ phải thu của Công ty đều được đối chiếu với khách hàng.

Tổng nợ phải thu đến 31/12/2023 là: 320.251.919.772 đồng, giảm 6,9% so với năm trước.

Công tác quản lý nợ và thu hồi nợ tiếp tục là một nhiệm vụ trọng tâm trong năm 2023, nhằm đảm bảo an toàn tài chính và tăng hiệu quả sử dụng vốn..

b) Tình hình nợ phải trả:

Tổng nợ phải trả người bán đến 31/12/2023: 11.468.614.851 đồng.

Công ty luôn thực hiện việc giám sát chặt chẽ công tác tài chính, gắn trách nhiệm người lao động trong việc sử dụng tài sản của Công ty, thực hiện tốt công tác quản lý tiền hàng, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:*

Về tài chính:

- Trong năm, theo chỉ đạo của HĐQT, Ban TGD Công ty tiếp tục tuân thủ tốt Quy chế quản lý nợ phải thu theo hướng chặt chẽ hơn về chế tài xử lý, tăng cường công tác kiểm soát nội bộ, gia tăng trách nhiệm quản lý, qua đó tăng cường công tác quản lý tiền hàng, công nợ, có chính sách chiết khấu thanh toán phù hợp, khuyến khích khách hàng thanh toán nhanh, kiểm soát chặt chẽ các chi phí, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn. Mặc dù vậy, công tác này vẫn còn hạn chế đặc biệt về chính sách khuyến khích trả tiền ngay và sự kiên quyết trong thu hồi nợ đọng.
- Sử dụng các nguồn lực tài chính có hiệu quả. Định mức kinh tế - kỹ thuật Công ty đã được các khâu thực hiện theo đúng quy định của Công ty.
- Đối với vốn luân chuyển, các đơn vị đã tuân thủ theo chỉ số hiệu quả quay vòng vốn trên từng khách hàng, trên từng lô hàng.

Về tổ chức:

- Để đảm bảo yêu cầu phát triển kinh doanh Công ty đã tăng cường hơn nữa công tác tuyển dụng mới, bên cạnh đó, nâng cao vai trò quản lý tại các đơn vị kinh doanh trên cơ sở tăng trách nhiệm đối với từng cá nhân phụ trách. Cơ chế phối kết hợp, tham chiếu giữa các phòng ban chức năng và các đơn vị kinh doanh nhằm gia tăng

tính hiệu quả trong quản lý, đặc biệt về vấn đề quản lý vốn, phục vụ công tác kinh doanh được chú trọng.

- Tăng cường sự chỉ đạo, điều hành của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc. Nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu trong công tác của cán bộ quản lý, điều hành; động viên người lao động tin tưởng, đoàn kết, nỗ lực khắc phục khó khăn, tạo nền tảng đảm bảo sự tồn tại và phát triển của Công ty trong thời gian đến.

4. Kế hoạch phát triển trong năm 2024:

Năm 2024 sẽ tiếp tục là năm nhiều khó khăn cho nền kinh tế và các mảng hoạt động kinh doanh của Công ty nói riêng. Để ổn định và phát triển, năm 2024 Công ty sẽ vẫn tập trung vào các nhóm hàng kinh doanh chính sau:

- Xăng dầu bán buôn (thương nhân phân phối) và bán lẻ;
- Xi-măng và các sản phẩm vật liệu xây dựng;
- Ổn định nhóm hàng thương mại khác, trong đó phát triển chuyên sâu nhóm hàng sắt thép công nghiệp;
- Khai thác hiệu quả hệ thống mặt bằng hiện có.

Trên cơ sở tình hình thực tế thị trường, Công ty tiến hành xây dựng kế hoạch năm 2024, cụ thể như sau:

Các chỉ tiêu	Kế hoạch 2024	So với 2023
Tổng doanh thu	1.600 tỷ đồng	98,4%
Lợi nhuận sau thuế	12,35 tỷ đồng	181,7%
Cổ tức dự kiến	0 %	-

Các chỉ tiêu cụ thể:

CHỈ TIÊU	Đvt	Kế hoạch năm 2024	
		Kế hoạch	So với thực hiện 2023
DOANH SỐ SẢN XUẤT / MUA VÀO	Tr.đồng	1.533.420	97,23%
DOANH THU	Tr.đồng	4.584.873	281,84%
DOANH THU TIÊU THỤ HÀNG HÓA	Tr.đồng	4.577.873	282,31%
Xi-măng	Tr.đồng	160.911	158,06%
+ Sản lượng bán ra	tấn	108.000	166,13%
Xăng dầu	Tr.đồng	432.373	161,79%
- Xăng dầu bán buôn	Tr.đồng	676.950	675,86%
+ Lượng bán ra	1000 lít	27.855	534,92%
- Xăng dầu bán lẻ	Tr.đồng	243.050	145,47%

CHỈ TIÊU	Đvt	Kế hoạch năm 2024	
		Kế hoạch	So với thực hiện 2023
+ Lượng bán ra	1000 lít	10.200	123,29%
Thực phẩm / Nông sản	Tr.đồng	3.984.590	318,12%
D.THU D/VỤ, KHAI THÁC MẶT BẰNG	Tr.đồng	7.000	134,50%
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH			
Tổng doanh thu thuần	Tr.đồng	4.584.873	281,84%
Giá vốn hàng bán	-	1.533.420	97,23%
Chiết khấu hàng mua		-	0,00%
Lợi nhuận gộp	-	3.051.454	6146,22%
Doanh thu hoạt động tài chính	-	5.835	42,93%
Chi phí tài chính	-	32.660	160,17%
Chi phí bán hàng	-	14.809	74,61%
Trích lập dự phòng	-	-	0,00%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	-	9.790	81,44%
Thu nhập khác		-	
Lợi nhuận trước thuế	-	15.439	140,16%
Lợi nhuận sau thuế	-	3.088	73,22%
Lợi tức cổ phần	-	12.351	181,69%

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty:

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:

HĐQT đánh giá cao nỗ lực của Ban Điều hành Công ty, trong bối cảnh nền kinh tế biến động – phụ thuộc nhiều vào diễn biến chung của Thế giới, cạnh tranh khốc liệt, hai ngành hàng chính của Công ty là xăng dầu và vật liệu xây dựng chịu tác động rất lớn từ các vấn đề khách quan như nhu cầu thị trường giảm sút, giá xăng dầu biến động giảm liên tục, chi phí đầu vào các ngành hàng khác luôn ở mức cao,... Tuy nhiên Công ty đã vượt được khó khăn, đảm bảo an toàn vốn, các ngành hàng chính yếu dần trở lại ổn định - dù còn chậm, đời sống CBNV ổn định, năng suất lao động tăng lên, đội ngũ quản lý dưới sự điều hành của Ban TGD dần đáp ứng yêu cầu phát triển, có sự cố gắng, quyết tâm lớn nhằm thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Tình hình kinh doanh của Công ty năm 2024 như đã dự báo sẽ có rất nhiều khó khăn về cạnh tranh, về các yếu tố khách quan như thời tiết, tình hình nhu cầu thị trường sẽ vẫn

nguy cơ diễn biến xấu đi do xung đột Nga – Ucraina kéo dài, địa chính trị Thế giới chứa đựng yếu tố khó lường, ... vì vậy tất cả CBNV và Ban Lãnh đạo Công ty phải hết sức cố gắng, nâng cao hiệu quả hoạt động; Đồng thời phải thực hiện các giải pháp đồng bộ để phát triển bền vững các ngành hàng cốt lõi, thực hiện cẩn trọng các ngành hàng mới, thích ứng với diễn biến của thị trường, đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty trong giai đoạn tiếp theo.

2. ***Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty***

Ban Điều hành Công ty đã thực hiện đúng các định hướng kinh doanh năm 2023 của Hội đồng quản trị đề ra.

3. ***Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị***

Năm 2024, kinh tế Việt Nam được dự báo tiếp tục gặp thuận lợi và khó khăn song hành. Rào cản lớn nhất là tác động tiêu cực từ bên ngoài, trong khi nền kinh tế trong nước đang trong giai đoạn hồi phục nhưng nhiều khả năng chậm hơn so với dự kiến. Nhu cầu thị trường đối với các ngành hàng Công ty đang kinh doanh cũng sẽ bị chi phối sâu rộng từ tốc độ hồi phục của nền kinh tế. Như vậy, bên cạnh việc thực hiện các biện pháp để giữ thị trường, khách hàng, Ban Tổng giám đốc phải có biện pháp đảm bảo nguồn hàng, có chiến lược về sản lượng đáp ứng nhu cầu, đồng thời thực hiện tốt nhiệm vụ quản lý vốn, kiểm soát chặt chẽ rủi ro đối với nợ phải thu nhằm đảm bảo an toàn tài chính.

Đối với mảng kinh doanh bán buôn xăng dầu:

- Hệ thống Công ty đặt mục tiêu phát triển trung bình hàng năm tăng 5 cửa hàng, đạt 10 cửa hàng, 20 Đại lý, 20 hộ công nghiệp trong năm 2024.
- Tái thiết lập kho xăng dầu.
- Cải tiến nâng chất lượng khoản ở các cửa hàng xăng dầu trực thuộc của công ty, đảm bảo minh bạch, cụ thể và hiệu quả.

Hoạt động kinh doanh xi-măng sẽ bị tác động bởi các yếu tố đầu vào do những biến động giá cả chi phí đầu vào, áp lực cạnh tranh. Do đó, Ban Tổng Giám đốc chủ động triển khai các giải pháp cụ thể như sau:

- Tiếp tục hợp tác chặt chẽ với các mặt hàng xi măng Công ty đang độc quyền (theo khu vực thị trường), và các mặt hàng đạt chất lượng tốt, phù hợp với thị hiếu tiêu dùng của thị trường. Nghiên cứu mở rộng và ký kết làm nhà Phân phối độc quyền hoặc tổng đại lý của một số hãng xi măng khác để đa dạng hóa mặt hàng. Tối ưu chi phí lao động và chi phí khai thác để nâng năng suất phục vụ, quản lý chặt chẽ công nợ, dòng tiền,... nhằm tăng hiệu quả trên đầu tấn bán ra;
- Tăng cường chăm sóc khách hàng, theo hướng trả tiền ngay, tiền trước để có được giá tốt.



- Xây dựng lại bộ phận thị trường, cùng với việc triển khai kinh doanh xi-măng sẽ phối hợp nghiên cứu mở rộng các ngành nghề liên quan đến ngành hàng VLXD khác.
- Nâng cao năng lực đội ngũ bán hàng, thiết lập lại hệ thống quản trị bán hàng tại đơn vị.

Đối với công tác phát triển ngành hàng: Quy Nhơn là vị trí chiến lược để phát triển rất nhiều ngành nghề kinh doanh thương mại dựa vào lợi thế Cảng nước sâu phục vụ cho các tỉnh thuộc Miền Trung - Tây nguyên, cùng với lợi thế của thương hiệu Petec Bidico về mức độ tín nhiệm và thương hiệu tốt tại khu vực nên Ban Tổng Giám đốc sẽ nghiên cứu để mở rộng thêm các ngành nghề kinh doanh khác như: nông sản thực phẩm, phân bón, ngành gỗ và chế biến, và các mặt hàng XNK khác.

Đối với mảng khai thác mặt bằng:

- Sẵn sàng hợp tác với các đối tác giàu tiềm năng, có thương hiệu để khai thác tối đa những vị trí đất nằm ở trung tâm của công ty để tăng hiệu quả khai thác.
- Xem xét tự kinh doanh chuỗi siêu thị đồng giá để nâng cao hiệu quả khai thác tại một số mặt bằng thuộc Công ty.

Đối với bộ máy tổ chức: Trong năm 2023, thông qua tuyển dụng mới, năng suất lao động của Công ty đã được cải thiện. Tuy nhiên, công tác kiện toàn bộ máy vẫn phải được tiếp tục thực hiện để đáp ứng hơn nữa yêu cầu SX-KD của Công ty trong tình hình mới.

Về quản lý tài chính: Cơ chế khoán của Công ty cho khâu bán lẻ xăng dầu mặc dù tạo sự linh hoạt trong cơ chế bán hàng thời gian qua, song phải rà soát – điều chỉnh nhằm hỗ trợ nhiều hơn cho các cửa hàng, tăng sản lượng bán ra.

Công ty sẽ thực hiện cơ chế bán hàng linh động, kích thích trả tiền ngay của khách hàng, khắc phục những hạn chế của Quy chế quản lý nợ phải thu của Công ty hiện nay, giảm thiểu nợ quá hạn; chế tài đối với các cá nhân, bộ phận liên quan để xảy ra nợ dầy dụa, khó đòi.

Tóm lại, mặc dù có rất nhiều khó khăn, tuy nhiên thị trường nhìn chung vẫn có cơ hội đối với các ngành hàng Công ty đang kinh doanh. Vì vậy, Hội đồng quản trị sẽ chú trọng hơn về công tác kiểm soát cũng như dự báo nhằm sự chỉ đạo đối với Ban Tổng Giám đốc được thực hiện sâu sát hơn, mục tiêu là ổn định hoạt động kinh doanh, giữ được vốn, tiến tới hoàn thành một số chỉ tiêu cơ bản theo kế hoạch đề ra.

Dự kiến các khoản đầu tư:

Sau khi tái cơ cấu lại cho các hoạt động kinh doanh của công ty đi vào ổn định, Ban lãnh đạo công ty phải tiếp tục nghiên cứu thị trường, khu vực để tìm kiếm cơ hội hợp tác, đầu tư, đặc biệt lĩnh vực xăng dầu bao gồm cả việc đầu tư mua cửa hàng xăng dầu,

tái đầu tư kho dầu; đồng thời xem xét M&A, mở rộng các hoạt động đầu tư đối với một số lĩnh vực khác khi có cơ hội.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị:

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên hội đồng quản trị do từng thành viên Hội đồng quản trị của công ty nắm giữ tại các công ty khác)

Stt	Họ và Tên	Chức danh		Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh nắm giữ tại các công ty khác
1	Ông Trần Trọng Bình (bổ nhiệm 28/6/2022)	Chủ tịch HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành, Người đại diện theo pháp luật thứ nhất của Công ty.	0%	Không
2	Ông Nguyễn Thời Đại	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành, Người đại diện theo pháp luật thứ hai của Công ty	0%	Không
3	Ông Trần Quý Thắng	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành	0%	Không
4	Ông Phạm Sơn Tùng (Đón từ nhiệm 10/8/2023)	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành	0%	Không
5	Ông Ngô Minh Hải (từ nhiệm ngày 08/4/2023)	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT điều hành, Người đại diện theo pháp luật thứ hai của Công ty	0%	Không
6	Ông Nguyễn Thanh Hải (từ nhiệm 08/4/2023)	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành	Đại diện 31,54%	Phó Tổng Giám đốc Tổng Công ty Thương mại Kỹ thuật và Đầu tư - CTCP (PETEC)
7	Ông Tăng Vũ Giang (từ nhiệm 08/4/2023)	Thành viên HĐQT	Thành viên HĐQT không điều hành	0%	Không
8	Bà Nữ Thị Việt Dung (bổ nhiệm 28/6/2022)	Thành viên HĐQT độc lập	Thành viên HĐQT không điều hành	0%	Không

- b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Tiểu ban Kiểm soát nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị được thành lập ngày 10/4/2023.
- c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp
Các cuộc họp của Hội đồng quản trị: từ 01/01/2023 đến 31/12/2023:

Stt	Thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Trần Trọng Bình	26 (+ 05 lần lấy phiếu biểu quyết)	100%	Bỏ nhiệm 28/6/2022
2	Ông Nguyễn Thời Đại	20 (+ 05 lần lấy phiếu biểu quyết)	100%	Bỏ nhiệm 08/4/2023
3	Ông Phạm Sơn Tùng	12 (+ 04 lần lấy phiếu biểu quyết)	100%	Bỏ nhiệm 08/4/2023; Đơn từ nhiệm ngày 10/8/2023
4	Ông Trần Quý Thăng	20 (+ 05 lần lấy phiếu biểu quyết)	100%	Bỏ nhiệm 08/4/2023
5	Ông Tăng Vũ Giang	06	100%	Miễn nhiệm 08/4/2023
6	Ông Nguyễn Thanh Hải	06	100%	Miễn nhiệm 08/4/2023
7	Bà Nữ Thị Việt Dung	26 (+ 05 lần lấy phiếu biểu quyết)	100%	Bỏ nhiệm 28/6/2022

Các Nghị quyết/Quyết định trong năm 2023 của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	48/NQ/NK5-HĐQT	15/02/2023	V/v: Chốt danh sách tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.	100%
2	49/NQ/NK5-HĐQT	16/02/2023	V/v: Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc Lương Minh Tuấn.	100%
3	50/NQ/NK5-HĐQT	23/02/2023	V/v: Miễn nhiệm Phó Tổng Giám đốc Nguyễn Trường Quang.	100%
4	51/NQ/NK5-HĐQT	03/3/2023	V/v: Sửa đổi, bổ sung phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	100%
5	52/NQ/NK5-HĐQT	06/4/2023	V/v: Bỏ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Petec Bình Định.	100%
6	53/NQ/NK5-HĐQT	08/4/2023	V/v: Miễn nhiệm Tổng Giám đốc Công ty và bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Phụ trách, là người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ	100%

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
			phần Petec Bình Định.	
7	54/NQ/NK5-HĐQT	08/4/2023	V/v: Thông qua hồ sơ niêm yết cổ phiếu của Công ty Cổ phần Petec Bình Định.	100%
8	54.1/NQ/NK5-HĐQT	10/4/2023	V/v: Thành lập Tiểu ban Kiểm soát nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị và tổ chức huy động vốn (không phải là tổ chức tín dụng) để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Petec Bình Định.	100%
9	55/NQ/NK5-HĐQT	15/4/2023	V/v: Chốt danh sách cổ đông thực hiện việc niêm yết cổ phiếu của Công ty tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.	100%
10	56/NQ/NK5-HĐQT	17/4/2023	V/v: Thông qua bầu chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Petec Bình Định.	100%
11	57/NQ/NK5-HĐQT	21/4/2023	V/v: Thông qua quan hệ tín dụng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Bình Định.	100%
12	59/NQ/NK5-HĐQT	24/5/2023	V/v: Triển khai phương án phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu.	100%
13	60/NQ/NK5-HĐQT	24/5/2023	V/v: Thông qua Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, phương án đảm bảo đáp ứng tỷ lệ sở hữu nước ngoài và một số nội dung liên quan.	100%
14	61/NQ/NK5-HĐQT	08/6/2023	V/v: Giao dịch thanh toán, tiền gửi, vay vốn, bảo lãnh, mở LC, sử dụng tài sản làm biện pháp bảo đảm tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) - Chi nhánh Bình Định.	100%
15	62/NQ/NK5-HĐQT	02/6/2023	V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2023 của Công ty Cổ phần Petec Bình Định.	100%
16	63/NQ/NK5-HĐQT	23/6/2023	V/v: Thông qua Quy chế Tiền lương, thưởng và các khoản hỗ trợ khác cho CBNV Công ty Cổ phần Petec Bình Định.	100%

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
17	64/NQ/NK5-HĐQT	23/6/2023	V/v: Thay đổi người đứng đầu Chi nhánh Công ty Cổ phần Petec Bình Định - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh.	100%
18	65/NQ/NK5-HĐQT	29/6/2023	V/v: Thông qua Quy chế Tài chính Công ty Cổ phần Petec Bình Định.	100%
19	66/NQ/NK5-HĐQT	29/6/2023	V/v: Thông qua Quy chế Quản lý và Điều hành Công ty Cổ phần Petec Bình Định.	100%
20	67/NQ/NK5-HĐQT	05/7/2023	V/v: Thông qua chi tiết kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán.	100%
21	68/NQ/NK5-HĐQT	25/7/2023	V/v: Triển khai chi tiết kế hoạch sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán cho cổ đông hiện hữu.	100%
22	69/NQ/NK5-HĐQT	25/8/2023	V/v: Bổ nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Petec Bình Định.	100%
23	70/NQ/NK5-HĐQT	29/8/2023	V/v: Bổ nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc Tài chính kiêm Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Petec Bình Định.	100%
24	70.1/NQ/NK5-HĐQT	29/8/2023	V/v: Phân công nhiệm vụ giữa các Thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Petec Bình Định nhiệm kỳ 2020 – 2025 và giữa những Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Petec Bình Định.	100%
25	71/NQ/NK5-HĐQT	13/9/2023	V/v: Chấm dứt hoạt động Xí nghiệp Chế biến và Kinh doanh hàng tiêu dùng - Chi nhánh Công ty Cổ phần Petec Bình Định.	100%
26	73/NQ/NK5-HĐQT	30/10/2023	V/v: Vay vốn tại Agribank Chi nhánh Bình Định.	100%
27	74/NQ/NK5-HĐQT	14/12/2023	V/v: Đầu tư mua, bán, khai thác tài sản là quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất tại tỉnh Bắc Ninh.	100%

- d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không.
- e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không.

2. Ban Kiểm soát

- a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban Kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành - Danh sách đến 06/11/2023.

Stt	Họ và Tên	Chức danh	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết
1	Bà Nguyễn Thị Thắm	Trưởng ban BKS	0%
2	Ông Lê Thanh Phong	Thành viên BKS	0%
3	Bà Nguyễn Thị Du	Thành viên BKS	0%

- b) Hoạt động của Ban Kiểm soát:

Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 tổ chức ngày 08/4/2023, bà Lê Thị Ngọc và ông Nguyễn Văn Ánh miễn nhiệm theo đơn từ nhiệm, bà Nguyễn Thị Thắm, ông Lê Thanh Phong, bà Nguyễn Thị Du được bầu vào Ban kiểm soát. Tại cuộc họp phiên thứ nhất ĐHĐCĐ thường niên năm 2023, bà Nguyễn Thị Thắm làm Trưởng Ban Kiểm soát Công ty.

Stt	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Tỷ lệ biểu quyết	Lý do không tham dự họp
1	Bà Lê Thị Ngọc	01	100%	100%	
2	Ông Hoàng Anh Tuấn	01	100%	100%	
3	Ông Nguyễn Văn Ánh	01	100%	100%	
4	Bà Nguyễn Thị Thắm	04	100%	100%	
5	Ông Lê Thanh Phong	04	100%	100%	
6	Bà Nguyễn Thị Du	04	100%	100%	

Nhìn chung hoạt động của HĐQT, Ban TGD Công ty thực hiện theo đúng Điều lệ Công ty.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban Kiểm soát

- a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích: (Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hóa bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ.

Đvt: Đồng

	Năm 2023	Năm 2022
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	327.900.000	194.000.000
Ông Trần Trọng Bình Chủ tịch	60.000.000	30.000.000
Ông Phạm Sơn Tùng Thành viên	36.000.000	-
Ông Trần Quý Thăng Thành viên	36.000.000	-
Ông Nguyễn Thanh Hải Thành viên (đã miễn nhiệm)	12.000.000	48.000.000
Bà Như Thị Việt Dung Thành viên	48.000.000	24.000.000
Ông Tăng Vũ Giang Thành viên (đã miễn nhiệm)	12.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Thẩm Trưởng BKS	36.000.000	-
Bà Lê Thị Ngọc Trưởng BKS (đã miễn nhiệm)	12.000.000	24.000.000
Ông Lê Thanh Phong Thành viên BKS	22.500.000	-
Bà Nguyễn Thị Du Thành viên BKS	22.500.000	-
Ông Hoàng Anh Tuấn Thành viên BKS (đã miễn nhiệm)	7.500.000	30.000.000
Ông Nguyễn Văn Ánh Thành viên BKS (đã miễn nhiệm)	23.400.000	-
Ông Lê Quang Huy Thư ký HĐQT	-	14.000.000
Lương và phụ cấp Ban Tổng Giám đốc	1.328.853.095	1.078.324.985
Ông Nguyễn Thời Đại Tổng Giám đốc	584.220.000	-
Ông Ngô Minh Hải Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm)	149.800.000	409.864.050
Ông Nguyễn Trường Quang Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm)	98.250.000	303.333.962
Ông Lương Minh Tuấn Phó Tổng Giám đốc (đã miễn nhiệm)	53.500.000	177.000.000
Bà Nguyễn Thị Bích Trâm Phó Tổng Giám đốc tài chính kiêm Kế toán trưởng	443.083.095	188.126.973

- b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký Công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): Không có
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: (Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với công ty, các công ty con, các công ty mà công ty nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên): Không có

- d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: (Nêu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị công ty. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị công ty: Không có.

VI. Báo cáo tài chính

1. Báo cáo của cơ quan kiểm toán

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính lập ngày 29/03/2023 của Công ty Cổ phần Petec Bình Định (sau đây gọi tắt là “Công ty”), đính kèm từ trang 05 đến trang 37, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc

Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Chủ tịch HĐQT và Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán AAC



2. Báo cáo tài chính được kiểm toán

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2023

(Đvt: đồng)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		397.264.643.170	396.976.052.314
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		46.684.494.773	19.652.236.169
1. Tiền	111	5	16.073.922.273	13.652.236.169
2. Các khoản tương đương tiền	112	6	30.610.572.500	6.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		20.500.000.000	19.784.945.217
1. Chứng khoán kinh doanh	121	8.a	-	9.584.945.217
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	7	20.500.000.000	10.200.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		320.251.919.772	343.950.355.415
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	9	316.730.460.183	341.969.962.359
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	10	5.596.693.813	4.453.580.855
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	11	421.490.863	459.437.621
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	12	(2.496.725.087)	(2.932.625.420)
IV. Hàng tồn kho	140	13	9.441.813.013	13.301.551.250
1. Hàng tồn kho	141		9.441.813.013	13.301.551.250
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		386.415.612	286.964.263
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	14.a	251.034.521	151.583.172
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		135.381.091	135.381.091
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		30.439.007.322	32.107.274.446
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		27.968.437.551	29.637.449.496
1. Tài sản cố định hữu hình	221	15	27.067.789.551	28.736.801.496
- Nguyên giá	222		56.867.465.685	55.858.738.412
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(29.799.676.134)	(27.121.936.916)
2. Tài sản cố định vô hình	227	16	900.648.000	900.648.000
- Nguyên giá	228		900.648.000	900.648.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	954.545.455
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	954.545.455
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		1.121.471.640	1.083.875.243
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	8.b	5.479.064.524	5.479.064.524
2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(4.357.592.884)	(4.395.189.281)
VI. Tài sản dài hạn khác	260		1.349.098.131	431.404.252
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	14.b	1.349.098.131	431.404.252
2. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		427.703.650.492	429.083.326.760

10040
ÔNG
Ở PHA
PETEC
VH ĐỊNH
'ON - T.B

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		349.814.251.630	357.240.152.243
I. Nợ ngắn hạn	310		349.814.251.630	357.240.152.243
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	11.468.614.851	114.644.921.134
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	116.706.984	1.119.262.278
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	5.036.135.714	2.831.909.622
4. Phải trả người lao động	314		1.029.445.631	972.253.366
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	1.701.500.620	397.785.877
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		259.393.929	280.303.025
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	21	3.035.284.762	2.734.315.562
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	22	326.776.879.072	233.799.270.464
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		390.290.067	460.130.915
II. Nợ dài hạn	330		-	-
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		77.889.398.862	71.843.174.517
I. Vốn chủ sở hữu	410	23	77.889.398.862	71.843.174.517
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	23	40.391.470.000	40.391.470.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		40.391.470.000	40.391.470.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	23	(54.000.000)	(54.000.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418	23	17.028.679.974	17.028.679.974
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	23	20.523.248.888	14.477.024.543
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		13.724.969.391	6.956.473.022
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		6.798.279.497	7.520.551.521
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		427.703.650.492	429.083.326.760

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

(Đvt: đồng)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
1. Doanh thu bán hàng & cung cấp dịch vụ	01	25	1.626.788.198.223	1.013.849.929.380
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	29.333.333
3. Doanh thu thuần về bán hàng & cc dịch vụ	10		1.626.788.198.223	1.013.820.596.047
4. Giá vốn hàng bán	11	26	1.577.140.538.418	978.244.951.898
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng & cc dịch vụ	20		49.647.659.805	35.575.644.149
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	13.589.610.157	7.198.668.988
7. Chi phí tài chính	22	28	20.390.277.270	6.584.542.993
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		20.391.162.079	6.589.045.803
8. Chi phí bán hàng	25	29.a	19.847.844.112	19.406.396.078
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29.b	12.020.859.445	7.573.707.812
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		10.978.289.135	9.209.666.254
11. Thu nhập khác	31	30	283.259.530	703.539.298
12. Chi phí khác	32	31	245.913.890	172.585.233
13. Lợi nhuận khác	40		37.345.640	530.954.065
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		11.015.634.775	9.740.620.319
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	4.217.355.278	2.220.068.798
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		6.798.279.497	7.520.551.521
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.683	1.676
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	1.683	1.676

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	(Đvt: đồng)	
			Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		11.015.634.775	9.740.620.319
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao Tài sản cố định	02	15	2.677.739.218	2.338.119.866
- Các khoản dự phòng	03		71.128.403	(196.675.710)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	27	(1.078.024.703)	(379.039.874)
- Chi phí lãi vay	06	28	20.391.162.079	6.589.045.803
3. Lợi nhuận từ hđ kd trước thay đổi vốn lưu động	08		33.077.639.772	18.092.070.404
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		23.729.562.365	(323.556.991.662)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		3.859.738.237	(5.420.868.107)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(101.940.128.582)	105.320.754.321
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.017.145.228)	(378.070.191)
- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh	13		9.584.945.217	(9.584.945.217)
- Tiền lãi vay đã trả	14	20,28	(19.087.447.336)	(6.191.259.926)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	19	(3.910.722.412)	(611.970.668)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(821.896.000)	(490.650.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(56.525.453.967)	(222.821.931.046)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm XD TSCĐ và các TS DH khác	21		(54.181.818)	(5.566.642.359)
2. Tiền thu từ TLÝ, nhượng bán TSCĐ và các TS DH khác	22		-	572.727.272
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	7	(32.300.000.000)	(10.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CC nợ của đơn vị khác	24	7	22.000.000.000	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	11,27	938.173.181	159.705.432
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(9.416.008.637)	(14.834.209.655)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33	22	1.167.342.385.155	767.793.728.617
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	22	(1.074.364.776.547)	(534.023.985.231)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	21,23	(3.887.400)	(97.495.555)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		92.973.721.208	233.672.247.831
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		27.032.258.604	(3.983.892.870)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5,6	19.652.236.169	23.636.129.039
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		46.684.494.773	19.652.236.169

Toàn văn Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (đã được kiểm toán): [dang tai tai trang dien tu cua Cong ty "petecbidico.com.vn"](http://dangtai.tai.trang.dien.tu.cua.Cong.ty.petecbidico.com.vn), mục Quan hệ cổ đông / Báo cáo Tài chính.

TP. Quy Nhơn, ngày 19 tháng 4 năm 2024
Xác nhận của đại diện theo pháp luật của Công ty

